

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 5 - 2021
“V/v tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại Phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 905/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Diệu L, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 44, khu 3, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở hiện nay: Tổ 21A, khu 3, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn L1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 44, khu 3, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2020, tại bản tự khai ngày 02/12/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Dương Thị Diệu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện kết hôn với anh Đỗ Văn L1 vào ngày 28/3/2017, đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ có chồng và có thời gian tìm hiểu nhau 06 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với nhau hòa thuận hạnh phúc đến tháng 12/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị không sinh được con, vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, do hai vợ chồng chị ở cùng nhà với gia đình em trai chồng nên có những va chạm, xung đột. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ cuối năm 2019 đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai, hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đến nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm chị dành cho anh L1 không còn, không còn nguyện vọng chung sống với anh L1 nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1.

Về con chung: Chị và anh L1 không có con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh L1 không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đỗ Văn L1 trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn giữa anh và chị Dương Thị Diệu L như chị L trình bày là đúng.

Sau khi kết hôn, vợ chung sống hạnh phúc đến ngày 30/10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị L không còn tình cảm với anh. Hai bên gia đình đều động viên hai vợ chồng về đoàn tụ, bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị L, anh thấy mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L không có con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã nhiều lần hòa giải nhưng chị L vẫn cương quyết xin ly hôn, anh L1 thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng là những mâu thuẫn nhỏ, tình cảm chị L dành cho anh không còn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị L nên không đồng ý ly hôn anh L1 chỉ đến Tòa án tham gia hòa giải một lần.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh L1.

Xác nhận của chính quyền địa phương (Tại Biên bản xác minh với ông Trịnh Quang T khu trưởng của khu 3, phường B, thành phố H) thể hiện: Ông là

khu trưởng khu 3, phường B và cũng là công dân tổ 44, khu 3, phường B. Chị L và anh L1 sống tại nhà riêng của anh L1 cùng với vợ chồng em trai của anh L1 tại tổ 44, khu 3, phường B. Hiện hai vợ chồng đang sống ly thân, chị L đi khỏi nhà anh L1 hơn một năm nay. Mâu thuẫn cụ thể giữa hai vợ chồng chị L, anh L1 địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Dương Thị Diệu L được ly hôn với anh Đỗ Văn L1. Về con chung và tài sản chung: Chị L và anh L1 không có con chung và không có tài sản chung nên không đề cập xem xét, về án phí: nguyên đơn chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình “về việc Ly hôn” đối với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Đỗ Văn L1: Sau khi thụ lý vụ án đến phiên họp kiểm tra việc công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/12/2020, anh L1 đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, các phiên hòa giải tiếp theo anh L1 đều vắng mặt. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh L1 tham gia phiên tòa nhưng anh L1 vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh L1 cũng vắng mặt (lần thứ hai không có lý do). Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án, đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị Diệu L và anh Đỗ Văn L1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L1 xuất phát chủ yếu từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong đời sống sinh hoạt. Mặc dù những mâu thuẫn này vợ chồng đã cố gắng tự hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, từ khi sống ly thân không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Hơn nữa, bản thân chị L xác định không sinh được con nên cũng ảnh hưởng đến quan hệ tình cảm vợ chồng, chị L muốn ly hôn để anh L1 tìm hạnh phúc mới. Đến nay, chị L xác nhận không còn tình cảm với anh L1, không muốn tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng với anh L1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh L1, mục đích hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh L1. Quá trình giải quyết việc ly hôn, anh L1 cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, chị L không còn tình cảm với anh L1. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với chị L nên mong muốn được đoàn tụ cùng chị L xây dựng gia đình, nhưng trong thời gian vợ chồng sống ly thân nhau anh L1 không có biện pháp hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, không đến tham gia hòa giải tại Tòa án cũng như tham gia phiên tòa, thể hiện anh L1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Đối chiếu với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh L1.

[3] Về con chung: Chị L và anh L1 không có con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh L1 xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với ý kiến của kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Diệu L được ly hôn với anh Đỗ Văn L1.

2. Về án phí: Chị Dương Thị Diệu L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002905 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chị L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hạ Long;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường B, thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Thị Cúc